

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT
Ngày 26-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 156/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Minh N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 1099E đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Quỳnh C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 1099E đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Quỳnh C

(bà C, ông N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Trương Minh N trình bày:** ông N và bà C đã tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G và chung sống với nhau từ năm 2001. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, bà C thường xuyên mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2011. Nay ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Trương Ngọc N1, sinh 11/7/2002 và Trương Minh T, sinh ngày 15/4/2005, hiện nay hai cháu đang sống với bà C nên khi ly hôn ông sẽ thực hiện cấp dưỡng cho mỗi cháu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng/cháu/tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn bà Nguyễn Quỳnh C trình bày:** Bà thống nhất về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như ông N đã nêu tuy nhiên quá trình sống chung vợ chồng bà không có mâu thuẫn và không sống ly thân từ năm 2011 như ông N đã trình bày, nguyên nhân ly hôn là do khoảng 03 năm nay ông N có người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nay bà không thống nhất ly hôn.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết buộc ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con và thống nhất mức cấp dưỡng mà ông N đề nghị.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh N, xử ông N được ly hôn với bà Nguyễn Quỳnh C. Giao hai cháu Trương Ngọc N1 và Trương Minh T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng là ngày 01/7/2018.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền thăm nom con chung, quyền kháng cáo, thi hành án của đương sự

Ngày 21/6/2018 bà Nguyễn Quỳnh C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm không đồng ý quyết định của Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Minh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông N yêu cầu ly hôn với bà C vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân hơn ba năm nay, tại phiên tòa phúc thẩm ông N vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ vì không còn tình cảm với bà C, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà C tuy quen biết qua sự mai mối của người thân nhưng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G ngày 29/6/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: ông N trình bày ông và bà C đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, bà C thường xuyên mâu thuẫn với gia đình chồng, ông và bà C đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện nay ông đang chung sống với người phụ nữ khác và không còn tình cảm với bà C, tuy nhiên bà C không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như ông N trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng hoặc việc bà C có vi phạm nghĩa vụ của người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được để Tòa án xem xét giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N xác định lại mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bà C hay cãi nhằn khi ông đi ra bên ngoài, giữa ông và bà C tính tình không hòa hợp nên ông không còn tình cảm với bà C, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác, bà C không có vi phạm nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ theo Luật hôn nhân gia đình. Xét thấy, nguyên nhân ly

hôn ông N đưa ra không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N. Tại phiên tòa hôm nay, ông N, bà C đều xác nhận việc ly hôn của ông bà hiện tại đã làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con đang trong độ tuổi phát triển về tâm sinh lý. Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ hoặc xác minh để xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong vụ án hôn nhân gia đình liên quan đến con chưa thành niên là thiếu sót, chưa đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự (được hướng dẫn tại mục 24 phần IV Giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC) nhưng vẫn giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N là chưa đủ căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa án sơ thẩm, bác đơn yêu cầu xin ly hôn của ông N.

[2] Về án phí: Do bà C kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Quỳnh C. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Bác đơn xin ly hôn của ông Trương Minh N

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trương Minh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004653 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Quỳnh C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004826 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện tp G;
- Chi cục THADS tp G;
- UBND p. H, tp G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Trâm Anh